

Bản án số: 307/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20/3/2023.
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Văn Vân.

2/ Ông Võ Văn Dương.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thanh Thi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1535/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13/02/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 59/2023/QĐST-HNGĐ ngày 03/3/2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Dương Thị Thanh Th, sinh năm 1994. (có mặt)

Thường trú: ấp X, xã T, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh.

- **Bị đơn:** Ông Đoàn Bảo L, sinh năm 1988; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã P, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn xin ly hôn ngày 11/10/2022, các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Dương Thị Thanh Th trình bày:

Bà và ông Đoàn Bảo L tìm hiểu nhau một thời gian khoảng 03 Năm thì tự nguyện cưới nhau năm 2017, có tổ chức cưới, đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn hai vợ chồng không ở cố định một bên mà đi đi về về hai bên, chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên không đồng quan điểm nhau trong cuộc sống, hai bên không qua lại nhau từ đó đến nay gần 05 năm. Bà nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn nên nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đoàn Bảo L.

Về con chung: có 01 con chung tên Đoàn An Nh, sinh ngày: 30/3/2018. Bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung và bà không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: bản sao Chứng minh nhân dân + hộ khẩu + giấy chứng nhận kết hôn, bản sao khai sinh con. (sao y).

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đoàn Bảo L trình bày:

Hai vợ chồng kết hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn, ông và bà Dương Thị Thanh Th tự nguyện đến với nhau, sống bên vợ, có với nhau 01 đứa con gái tên Đoàn An Nh, sinh năm: 2018. Ông muốn vợ và con về nhà mẹ ông nhưng vợ ông không muốn nên hai đứa ly thân từ năm 2018 đến năm 2022. Nay, vợ ông quyết định ly hôn, ông cũng đồng ý. Không có tài sản gì mong Tòa giải quyết. Con tên Đoàn An Nh bà Dương Thị Thanh Th đang nuôi dưỡng. Con chung giao vợ nuôi, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có.

Nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: bản sao CMND + HK, bản tự khai.

Tại phiên tòa: Bà Th vẫn giữ nguyên nội dung như đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có nơi cư trú tại xã P, huyện Củ Chi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Ông L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông L vẫn không đến Tòa án và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì có liên quan đến vụ kiện. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L và căn cứ theo các tài liệu, chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp; chứng cứ mà Tòa thu thập được để giải quyết vụ kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 91; các điều 227, 228, 264, 266, 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự là có cơ sở.

[2] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Thanh Th và ông Đoàn Bảo L tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 159, ngày 22/12/2017 nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của bà Th xin ly hôn với ông L và ông L cũng đồng ý ly hôn với bà Th. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng bà Th, ông L đều muốn ly hôn để trả tự do cho nhau theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đoàn An Nh, sinh ngày: 30/3/2018. Xét yêu cầu của bà Th và ghi nhận sự tự nguyện của ông L là giao con chung cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; Bà Th không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung: Bà Dương Thị Thanh Th và ông Đoàn Bảo L cùng xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nghĩa vụ dân sự chung: Bà Dương Thị Thanh Th và ông Đoàn Bảo L cùng xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Cần buộc bà Thùy phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Dương Thị Thanh Th.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Thanh Th được ly hôn với ông Đoàn Bảo L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 159, ngày 22/12/2017 của Ủy ban nhân dân xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Th và ông L không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Th được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Đoàn An Nh, sinh ngày: 30/3/2018. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Th là không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Khi có lý do chính đáng việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu ông L lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Th có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông L.

3. Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Nghĩa vụ dân sự chung: không có.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) buộc bà Dương Thị Thanh Th phải nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2022/0020078 ngày 01/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi; Bà Th đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ (12b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Hùng Vương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

